

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TU MƠ RÔNG  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HSST  
Ngày: 21/11/2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU MƠ RÔNG - TỈNH KON TUM

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Bình Thanh;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông A Rin Ka và ông Phạm Văn Xuân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Chí Dũng- Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông tham gia phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 21/11/2023 tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Kon Tum, Tòa án nhân dân huyện Tu Mơ Rông mở phiên tòa xét xử lưu động công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2023/TLST-HS ngày 09/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HS, ngày 07/11/2023 đối với các bị cáo:

**1. A M** (*Tên gọi khác: Không*), sinh năm 1994 tại Kon Tum. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Xơ đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số căn cước công dân 062094000786; Con ông A K, sinh năm 1943 và bà Y T, sinh năm 1960; Vợ Y S, sinh năm 1997, trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2023. Tiền án, Tiền sự: Không. Hiện bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**2. A Đ** (*Tên gọi khác: Không*), sinh năm 1993 tại Kon Tum. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Ca Dong; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số căn cước công dân 062093000697; Con ông A D, sinh năm 1964 và bà Y N (Đã chết); Vợ Y T1, sinh năm 1998, trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con

nhỏ sinh năm 2023. Tiền án, Tiền sự: Không. Hiện bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**3. A H** (*Tên gọi khác: Không*), sinh năm 1983 tại Kon Tum. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Xơ đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số căn cước công dân 062083000473; Con ông A L, sinh năm 1953 và bà Y H1 (Đã chết); Vợ Y Đ1, sinh năm 1982, trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2006. Tiền án, Tiền sự: Không. Hiện bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo là đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 17/07/2023. Có mặt tại phiên tòa.

**4. A H2** (*Tên gọi khác: Không*), sinh năm 1996 tại Kon Tum. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Xơ đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số căn cước công dân 062096000917; Con ông A L1 (Đã chết) và bà Y M1, sinh năm 1954; Vợ Nguyễn Thị Thanh L2, sinh năm 1998, trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2023. Tiền án, Tiền sự: Không. Hiện bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**5. A H3** (*Tên gọi khác: Không*), sinh năm 1994 tại Kon Tum. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Xơ đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số căn cước công dân 062094003990; Con ông A L1 (Đã chết) và bà Y M1, sinh năm 1954; Vợ Y Q, sinh năm 1989, trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2023. Tiền án, Tiền sự: Không. Hiện bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**6. A M2** (*Tên gọi khác: Không*), sinh năm 1990 tại Kon Tum. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Xơ đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số căn cước công dân 062090000576; Con ông A K, sinh năm 1943 và bà Y T, sinh năm 1960; Vợ Y V, sinh năm 1993, trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, Tiền sự: Không. Hiện bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**7. A T2** (*Tên gọi khác: Không*), sinh năm 1985 tại Kon Tum. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp:

Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Xơ đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số căn cước công dân 062085005693; Con ông A X (Đã chết) và bà Y D1, sinh năm 1937; Vợ Y C, sinh năm 1982, trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, Tiền sự: Không. Hiện bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo là đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 17/07/2023. Có mặt tại phiên tòa.

**8. A T3** (*Tên gọi khác: Không*), sinh năm 2002 tại Kon Tum. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Xơ đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số căn cước công dân 062202002597; Con ông A T4 (Đã chết) và bà Y P, sinh năm 1980; Vợ Y T5, sinh năm 2003 (*C1 sống như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn*), trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có 01 con sinh năm 2022. Tiền án, Tiền sự: Không. Hiện bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho các bị cáo:** Bà Nguyễn Thị Thúy H4 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K;

Địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh K. Có mặt tại phiên tòa.

- **Nguyên đơn dân sự:**

1. Công ty cổ phần V1- Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Khoa Đ2 - Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đức Q1, sinh năm 1984- Trưởng ban D3, (Vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: Số A H, phường T, TP ., tỉnh Kon Tum.

2. Ban quản lý rừng phòng hộ huyện N, tỉnh Quảng Nam - Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Vĩnh H5 - Phó giám đốc phụ trách

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Tạ H6, sinh năm 1996- Cán bộ Ban quản lý, (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty TNHH MTV L4- Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Thành C2- Giám đốc

Địa chỉ: Số C H, thị trấn Đ, huyện Đ, Kon Tum.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Nguyễn Nhật T6, sinh năm 1985, Chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh L5, (Có mặt);

Địa chỉ: K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

2. Ông Lê Quang T7, sinh năm 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Lê Trung K1, sinh năm 1979 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 54, đường Lý Thái Tổ, tổ dân phố 2, thị trấn Măng Đen, huyện Kon PLong, tỉnh Kon Tum

4. Ông Đặng Văn S1, sinh năm 1994 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường Thắng Lợi, tp. PleiKu, tỉnh Gia Lai

5. Ông A B, sinh năm 1967, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Ông A C3, sinh năm 2000, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Ông A K2, sinh năm 1943, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

8. Bà Y M1, sinh năm 1954, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

9. Anh A P1, sinh năm 1980, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

10. Anh A L3, sinh năm 1996, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Đăk Lanh, xã Măng Bút, huyện Kon Plông, Kon Tum

11. Anh A D2, sinh năm 1989, (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện K, tỉnh Kon Tum

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng tháng 4 năm 2022, Lê Quang T7 thu mua nông sản tại huyện K thì gặp nhóm tám người bao gồm có A M, A T2, A H2, A H7, A Đ, A T3 và A H. Lúc này T7 hỏi cả nhóm có gỗ nu để không bán không, thì cả nhóm nói không có. Sau đó, T7 nói khi nào đi rừng kiếm được gỗ nu thì mang về gọi và bán cho T7, gỗ gì cũng được miễn là có nu. Lúc này T7 và A M đã trao đổi số điện thoại với nhau để liên hệ.

Khoảng tháng 5/2022, cả nhóm 08 người đi vào rừng kiếm nông sản, được liệt tại các khoảnh 6, 9 tiểu khu B thuộc địa giới hành chính xã N, huyện T, tỉnh Kon Tum do công ty Cổ phần V1 quản lý; khoảnh 1, 4 tiểu khu B thuộc địa giới hành chính xã V, huyện T, tỉnh Kon Tum do Công ty TNHH MTV L4 quản lý; khoảnh 6 tiểu khu H thuộc địa giới hành chính xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện N quản lý thì phát hiện một số cây gỗ có nu. Khi về A M đã gọi điện thoại cho Lê Quang T7 hỏi có mua gỗ nu không thì T7 trả lời cứ làm mang về đi, T7 sẽ mua. Sau đó A M hỏi những người còn lại trong nhóm có muốn đi làm không (*cả nhóm hiểu là đi khai thác gỗ nu về bán cho T7 để lấy tiền tiêu xài*) thì cả nhóm đồng ý. Ngày hôm sau, mỗi người mang theo vật dụng cá nhân và 01 con rựa, 01 lít xăng, riêng A T2 mang thêm 01 máy cưa xăng. Cả nhóm đi đến khu vực thấy gỗ nu trước đó để khai



thác. Cả nhóm đã khai thác gỗ trong thời gian khoảng 01 tuần và xẻ được 38 (Ba mươi tám) tấm gỗ nu trên 07 cây gỗ (*trong đó có 03 cây chết khô, 02 cây sống bị cưa hạ hoàn toàn và 02 cây sống bị cắt phần nu*). Sau khi cắt, xẻ và cất giấu gỗ xong thì cả nhóm đi về nhà.

Đến khoảng tháng 6 năm 2022, cả nhóm 08 người mượn được 07 con trâu của người thân, riêng A Đ là không mượn. Sau đó cả nhóm đi vào rừng nơi cất giấu 38 tấm gỗ nu đã khai thác trước đó, dùng trâu kéo được 15 tấm gỗ nu đem về cất giấu tại bờ suối gần thôn Đ, xã M, huyện K. Sau đó, A M liên hệ và Lê T7 để dẫn đi xem gỗ. Sau khi xem cả hai thống nhất mua với giá 45.000.000 đồng đối với 15 tấm gỗ nu. Khoảng 01 giờ sáng ngày hôm sau khi đã xem gỗ, có một xe tải đến bốc gỗ, trên xe có một tài xế (chưa xác định lai lịch) và một người tên Lê Trung K1, tạm trú tại thị trấn M, huyện K. Sau khi bốc gỗ xong T7 đưa tiền cho A M và A M đã chia cho mỗi người 5.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng còn lại dùng để trả tiền xăng, nhớt và ăn nhậu.

Khoảng cuối tháng 8/2022, nhóm 6 người gồm: A M, A H, A T2, A M3, A T3, A Đ tiếp tục mượn 05 con trâu quay lại vị trí cũ để kéo gỗ, riêng A Đ không mượn được trâu. Lần này cả nhóm sáu người kéo được 09 tấm gỗ đem về cất giấu tại bờ suối gần thôn Đ, xã M, huyện K. Khoảng 01 tuần sau đầu tháng 9 năm 2022, nhóm 06 người tiếp tục mượn 05 con trâu quay lại vị trí cũ kéo được 14 tấm gỗ nu còn lại đem về cất giấu cùng 09 tấm trước đó.

Ngày 24/9/2022, A M gọi điện thoại cho Lê Quang T7 đến xem gỗ. Trà đi xe máy một mình lên xem và thống nhất mua 23 tấm gỗ nu với giá 30.000.000 đồng. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 25/9/2022, Đặng Văn S1, trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai điều khiển xe tải mang biển kiểm soát 81C-003.89 chở theo Lê Trung K1 đến bốc gỗ. Khi đang bốc gỗ thì bị lực lượng chức năng huyện K phát hiện và tạm giữ. Quá trình điều tra A M, A Đ, A H, A H2, A H7, A M2, A T2, A T3 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 10/10/2022 xác định khối lượng gỗ bị thiệt hại do A M, A Đ, A H, A H2, A H3, A M2, A T2, A T3 khai thác còn lại tại hiện trường là 7,409m<sup>3</sup> gỗ tròn. Quá trình mở rộng hiện trường phát hiện 01 cây gỗ có khối lượng 8,870m<sup>3</sup> tại khoảnh 7 tiểu khu B địa giới hành chính xã V, huyện T.

Kết luận giám định tư pháp ngày 24/10/2022 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh K xác định tổng khối lượng gỗ bị khai thác trái phép là 07 cây gỗ các loại bao gồm: 05 cây gỗ Thông 5 lá (nhóm IIA), 01 cây gỗ Vù hương (nhóm IIA) và 01 cây gỗ Bời lời vàng (nhóm thông thường) với tổng khối lượng 10,484m<sup>3</sup> đã quy tròn (khối lượng đã mất khối hiện trường 3,075m<sup>3</sup>, khối lượng còn lại tại hiện trường 7,409m<sup>3</sup>). Trong tổng số 10,484m<sup>3</sup> bị khai thác có 5,675m<sup>3</sup> gỗ nhóm IIA

thuộc rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ và 4,722m<sup>3</sup> gỗ nhóm IIA thuộc rừng tự nhiên, chức năng sản xuất và 0,088m<sup>3</sup> gỗ nhóm thông thường thuộc rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ.

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐ ngày 03/01/2023 của HĐ định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T xác định giá trị đối với 10,484 m<sup>3</sup> gỗ bị khai thác đã quy tròn trị giá: 48.695.560 đồng, trong đó 5,675m<sup>3</sup> gỗ nhóm IIA thuộc rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ trị giá 24.601.560 đồng.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp ngày 04/7/2023 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh K kết luận tổng khối lượng gỗ đối với 23 thân gỗ có hình thù phức tạp đã tạm giữ là 1,021m<sup>3</sup>.

Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐ ngày 23/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T xác định giá trị đối với 1,021m<sup>3</sup> gỗ trị giá: 2.918.700 đồng.

Bản cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 06/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông truy tố các bị cáo A M, A Đ, A H, A H2, A H3, A M2, A T2 và A T3 về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo A M, A Đ, A H, A H2, A H3, A M2, A T2 và A T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tài liệu có tại hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông sau phân xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo A M, A Đ, A H, A H2, A H3, A M2, A T2 và A T3 và phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tích cực khắc phục hậu quả, nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự; Điều 17, Điều 38; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS,

Xử phạt bị cáo A M từ 15 đến 18 tháng tù; Xử phạt các bị cáo A Đ, A H, A M2, A T2 từ 12 đến 15 tháng tù; Xử phạt các bị cáo A H2, A H3, A T3 từ 09 đến 12 tháng tù;

Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày chấp hành án. Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

*Về vật chứng của vụ án:* Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định 07 con trâu mà các bị cáo dùng để kéo các tấm gỗ nu là của các ông, bà: A B, A C3,

A K, Y M1, Y P, A L3, A D2 những người này không biết việc các bị cáo mượn trâu để vận chuyển gỗ trái phép. Nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 07 con trâu cho các chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật;

+ Đối với xe ô tô mang biển kiểm soát: 81C-003.89 do Đặng Văn S1 làm chủ sở hữu. Hành vi vận chuyển gỗ trái phép của Đặng Văn S1 không đủ điều kiện để tịch thu phương tiện theo điểm b khoản 20 Điều 22 Nghị định 35/2019/NĐ-CP nên Cơ quan điều tra ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định;

+ Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với 23 thân gỗ hình thù phức tạp; Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động OPPO của A M, 08 con dao rựa, 01 máy cưa xăng, 01 lam cưa, 01 dây xích của A T2. Trả lại 01 chiếc điện thoại Nokia cho T7 vì chưa đủ căn cứ.

*Về trách nhiệm dân sự:* Đối với 7,409m<sup>3</sup> còn lại tại hiện trường đã được giao cho các chủ rừng để trông coi bảo quản. Đối với 3,075m<sup>3</sup> gỗ đã bị mất khỏi hiện trường, các bị cáo đã bồi thường cho các nguyên đơn dân sự số tiền 8.980.000 đồng và các nguyên đơn dân sự không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Các bị cáo tự bào chữa: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt nhưng đều cho rằng mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là quá cao, các bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, đã tích cực bồi thường khắc phục thiệt hại; đều có điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có điều kiện đi làm nuôi sống gia đình.

Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thúy H4 thống nhất với bản luận tội của đại diện viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo A M, A Đ, A H, A H2, A H3, A M2, A T2 và A T3, nhưng không thống nhất với đại diện Viện kiểm sát về vai trò của các bị cáo:

Đối với A M trực tiếp cưa hạ 1 cây và cưa nhiều nu nhất, nhưng việc liên hệ với T7 là do M ngồi gần Trà chứ không phải là người chủ động liên hệ trước và việc A M liên hệ với Trà trong tất cả các lần giao dịch đều có mặt 08 bị cáo.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, vi phạm lần đầu, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn và có sự hứa hẹn của T7 nên mới đi khai thác gỗ nu. Sau khi bị phát hiện đã tích cực khắc phục hậu quả, tự nguyện bồi thường và không ai yêu cầu bồi thường thêm nên đề nghị xét xử cân nhắc tuyên phạt A M 13 tháng tù, A H3, A H2 9 tháng tù, các bị cáo khác 12 tháng. Trả lại trâu cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ngoài ra, các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đất biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Đôi đáp của Viện kiểm sát: Không nhất trí với bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý vì có những nội dung chưa phù hợp. Viện kiểm sát đã xem xét, cân nhắc toàn diện các tình tiết giảm nhẹ và vai trò của từng bị cáo trong vụ án để đề xuất mức hình phạt tương xứng. Không phải ngẫu nhiên mà Trà xin số điện thoại của A M. Mặt khác, thực tế A M là người đứng ra giao dịch và là người cưa hạ một cây sồng và cắt xẻ nhiều nu nhất nên mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Đối với A H3, A H2 không tham gia kéo gỗ lần 2, 3 do nguyên nhân khách quan và không ảnh hưởng đến việc xác định khung hình phạt vì tội phạm đã hoàn thành từ lúc cưa hạ cây và cắt xẻ nu xong nên mức đề nghị là không cao.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo A M, A Đ, A H, A H2, A H3, A M2, A T2 và A T3 nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo tích cực học tập, cải tạo trở thành người tốt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] *Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:* Các bị cáo A M, A Đ, A H, A H2, A H3, A M2, A T2 và A T3 đã có hành vi khai thác gỗ và lâm sản thuộc địa giới hành chính huyện N, tỉnh Quảng Nam và địa giới hành chính huyện T, tỉnh Kon Tum; Vụ án được điều tra và kết thúc điều tra tại huyện T, tỉnh Kon Tum nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tu Mơ Rông theo quy định tại Điều 268, Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự.

Cơ quan điều tra Công an huyện T, điều tra viên; Viện kiểm sát và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] *Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:* Tại phiên tòa nguyên đơn dân sự là Công ty cổ phần V1 và những người có quyền lợi, nghĩa



vụ liên quan gồm Lê Quang T7, Lê Trung K1, Đặng Văn S1, A B, A C3, A K2, Y M1, A P1, A L3, A D2 vắng mặt nhưng họ đều đã có lời khai tại cơ quan điều tra, không có yêu cầu gì khác, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

**[3]** *Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:* Quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa, các bị cáo A M, A Đ, A H, A H2, A H3, A M2, A T2 và A T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để khẳng định:

Vì muốn **có tiền tiêu sài cá nhân, vào** khoảng tháng 5 năm 2022 A M cùng với A Đ, A H, A H2, A H3, A M2, A T2 và A T3 đã cùng nhau vào rừng khai thác gỗ tại khoảnh 6, 9 tiểu khu B thuộc địa giới hành chính xã N, huyện T, tỉnh Kon Tum do công ty Cổ phần V1 quản lý và khoảnh 6 tiểu khu H thuộc địa giới hành chính xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện N, tỉnh Quảng Nam quản lý. Các bị cáo đã cùng nhau thực hiện khai thác tổng cộng 05 cây gỗ các loại bao gồm 04 cây gỗ Thông 5 lá (nhóm IIA), 01 cây gỗ Vù hương (nhóm IIA) thuộc rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ với tổng khối lượng 5,675m<sup>3</sup> trị giá 24.601.560 đồng.

Tuy chỉ có bị cáo A M là người đứng ra liên lạc, trao đổi mua bán và nhận tiền bán nu về chia cho các bị cáo khác và không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ nhưng các bị cáo tự hiểu ý và cùng nhau thực hiện việc cưa hạ cây, cắt xẻ nu rồi mượn trâu vận chuyên gỗ ra khỏi hiện trường để bán lấy tiền tiêu sài nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự; hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ rừng và lâm sản với lỗi cố ý trực tiếp; các bị cáo đều đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 2015 đúng như Cáo trạng số 10/CT-VKS-TMR ngày 06/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông truy tố. Do đó, cần tuyên phạt các bị cáo mức án thật nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để giáo dục, cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

**[4]** *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:* Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường khắc phục một phần hậu quả. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào nên HĐXX sẽ áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS giảm nhẹ một



phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực học tập, cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

Tuy các bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS nhưng hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là rất lớn, nhiều cây gỗ quý bị chặt hạ, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sống và sự cân bằng sinh thái, mặt khác tình trạng phá rừng trên địa bàn huyện T, tỉnh Kon Tum nói riêng và trong cả nước nói chung ngày càng diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường cũng như chính sách của Nhà nước về công tác bảo vệ, phát triển rừng. Dù đã được nghe tuyên truyền, được nhắc nhở thường xuyên, các bị cáo biết khai thác gỗ trái phép là phạm tội nhưng vẫn thực hiện nên phải tuyên phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc để răn đe riêng và phòng ngừa chung, không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát và người bào chữa được.

Đồng thời cũng phân hóa rõ vai trò của các bị cáo để áp dụng hình phạt phù hợp. Đối với bị cáo A M: Bị cáo là người chủ mưu, khởi xướng việc đi tìm, cưa xẻ nu về bán lấy tiền tiêu sài và là người đứng ra liên lạc, giao dịch bán gỗ nu và mang tiền bán gỗ nu về chia lại cho các bị cáo khác, và cũng là người thực hành tích cực nhất, trực tiếp cưa hạ một cây sống và cắt xẻ nu nhiều nhất nên phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

Bị cáo A M2 và A Đ trực tiếp cưa hạ một cây sống và cùng cưa xẻ nu với các bị cáo khác; Bị cáo A T2 và bị cáo A H là đảng viên mà không gương mẫu, lại vi phạm pháp luật nên cũng phải tuyên một mức án nghiêm khắc để răn đe riêng và phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo A H3 và A H2: hai bị cáo này không tham gia vào việc kéo gỗ, vận chuyển gỗ lần 2, 3 nên tuyên mức hình phạt nhẹ hơn các bị cáo khác. Ngoài ra, các bị cáo A M và A M2 là anh em ruột; Bị cáo A H3, A H2 là anh em ruột nên HĐXX sẽ cân nhắc mức hình phạt đối với các bị cáo này để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Các bị cáo còn lại: Tuyên hình phạt nghiêm khắc theo đúng quy định của pháp luật.

Các bị cáo đều không có việc làm ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

**[5] Về trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác:**

Các bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán nu gỗ đã khai thác là 45.000.000đ. Lẽ ra, số tiền này phải được Tòa án xử lý trong quá trình xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 106 BLTTHS nhưng trong quyết định xử phạt hành chính đã

buộc các bị cáo nộp lại số tiền để sung quỹ Nhà nước này là đúng quy định nên HĐXX không xem xét nữa.

Các bị cáo đã bồi thường cho Công ty cổ phần V1 số tiền 8.000.000 đồng và bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện N số tiền 980.000 đồng; ngoài ra, không ai có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Công ty TNHH MTV L4, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; Ban quản lý rừng phòng hộ huyện N, tỉnh Quảng Nam và Công ty cổ phần V1 đã không phát hiện, ngăn chặn kịp thời hành vi khai thác gỗ trên diện tích được giao quản lý, bảo vệ. Tuy nhiên Công Ty TNHH MTV L4 để xảy ra khai thác 4,722m<sup>3</sup> thiệt hại 23.610.000 đồng; Ban quản lý rừng phòng hộ huyện N để xảy ra khai thác 2,883m<sup>3</sup> thiệt hại 12.145.400 đồng; Công ty cổ phần V1 để xảy ra khai thác 2,88m<sup>3</sup> thiệt hại 12.940.160 đồng là chưa đủ định lượng để xử lý hình sự. Vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng là đúng quy định.

Đối với hành vi của Lê Quang T7: Cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý khi có đủ căn cứ; hành vi của Lê Trung K1, Đặng Văn S1 đã bị xử lý hành chính là phù hợp nên không đề cập đến.

Đối với việc khai thác 4,722m<sup>3</sup> gỗ nhóm IIA thuộc rừng tự nhiên, chức năng sản xuất và 0,088m<sup>3</sup> gỗ nhóm thông thường thuộc rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ: Hành vi này của các bị cáo đã bị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính là phù hợp nên HĐXX không đề cập nữa, tuy nhiên, tang vật chưa được xử lý nên HĐXX sẽ xem xét xử lý theo quy định.

**[6] Về vật chứng của vụ án:**

Đối với 23 thân gỗ hình thù phức tạp khối lượng 1,021m<sup>3</sup> gỗ trị giá: 2.918.700 đồng là số gỗ mà các bị cáo đưa ra khỏi hiện trường và thu giữ được, không thể xác định được những tấm gỗ nu này được cắt ra từ cây nào để tách ra xử lý riêng về hành chính và hình sự, mặt khác, các bị cáo đã bồi thường cho nguyên đơn dân sự giá trị của số gỗ này và không ai có yêu cầu gì khác nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu NOKIA của Lê Quang T7, điện thoại này T7 dùng để trao đổi, mua bán gỗ nu với A M nên tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 (một) cửa máy, nhãn hiệu STILL 381; 01 (một) đoạn dây xích bằng kim loại (*loại dùng để gắn vào lưỡi cửa máy*) dài 1,8m và 01 (một) lam cửa bằng kim loại, lưỡi đẹp, có chiều dài 70cm của A T2 dùng vào việc cửa hạ cây, cắt xẻ nu, đang còn giá trị sử dụng nên tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 (một) điện thoại di động của A M đã qua sử dụng, màu đen, nhãn hiệu OPPO có Số IMEI 1: 868114048791313; Số IMEI 2:

868114048791305, màn hình đã bị nứt vỡ và 08 con dao rựa, hiện đã bị rỉ, không còn giá trị sử dụng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tuyên tịch thu, tiêu hủy.

*(Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/10/2023 giữa Công an huyện T và Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum).*

Đối với 7,409m<sup>3</sup> gỗ còn lại tại hiện trường đã được giao cho các nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để trông coi, bảo quản. Cụ thể: Giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện N, tỉnh Quảng Nam khối lượng gỗ còn lại của một cây gỗ ký hiệu G05-LN loại thông năm lá, tổng khối lượng 2,687m<sup>3</sup> quy tròn vào ngày 25/12/2022; Giao cho Công ty L4 khối lượng 4,722m<sup>3</sup> và 01 cây G07-LN là cây bị chết khô, không xác định được gốc cây, khối lượng gỗ vào ngày 24/12/2022. Trong số này có cả 4,722m<sup>3</sup> gỗ nhóm IIA thuộc rừng tự nhiên, chức năng sản xuất và 0,088m<sup>3</sup> gỗ nhóm thông thường thuộc rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ là tang vật của vụ việc vi phạm hành chính nhưng khi xử lý vi phạm hành chính cơ quan có thẩm quyền chưa xử lý. Do đó, HĐXX sẽ xử lý để giải quyết dứt điểm vụ án, giao cho các nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi liên quan để quản lý theo quy định.

- Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định 07 con trâu mà các bị cáo dùng để kéo các tấm gỗ nu là của các ông, bà: A B, A C3, A K, Y M1, Y P, A L3, A D2 làm chủ sở hữu và không biết các bị cáo mượn trâu để vận chuyển gỗ trái phép nên Cơ quan điều tra trả lại 07 con trâu cho các chủ sở hữu là phù hợp, đúng quy định;

- Đối với chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 81C-003.89 mà Đặng Văn S1 điều khiển để vận chuyển lâm sản trái pháp luật: Căn cứ điểm b khoản 20 Điều 22 Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp thì chưa đủ điều kiện để tịch thu phương tiện. Vậy nên, Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe ô tô cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định nên không xem xét nữa.

[7] *Về án phí:* Tại phiên tòa, các bị cáo A M, A Đ, A H, A H2, A H3, A M2, A T2 và A T3 có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm. Xét thấy, các bị cáo đều là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, do vậy cần áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự cho các bị cáo.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Áp dụng điểm d khoản 1 điều 232; Điều 17; Điều 38; Điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố các bị cáo A M, A Đ, A H, A H2, A H3, A M2, A T2 và A T3 phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

- Xử phạt bị cáo A M 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo A Đ 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo A H 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo A T2 13 (Mười ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo A M2 11 (Mười một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo A T3 11 (Mười một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo A H2 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo A H3 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

[2] *Về vật chứng của vụ án:* Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước 23 thân gỗ hình thù phức tạp khối lượng 1,021m<sup>3</sup> gỗ trị giá: 2.918.700 đồng; 01 (một) điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu NOKIA; 01 (một) cửa máy, nhãn hiệu STILL 381; 01 (một) đoạn dây xích bằng kim loại (*loại dùng để gắn vào lưỡi cửa máy*) dài 1,8m và 01 (một) lam cửa bằng kim loại, lưỡi đẹp, có chiều dài 70cm.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng, màu đen, nhãn hiệu OPPO có Số IMEI 1: 868114048791313; SỐ IMEI 2: 868114048791305, màn hình đã bị nứt vỡ và 08 con dao rựa, hiện đã bị rỉ, không còn giá trị sử dụng.

(*Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/10/2023 giữa Công an huyện T và Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum*).

Giao 7,409m<sup>3</sup> gỗ còn lại tại hiện trường cho các nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để quản lý theo quy định. Số gỗ này đã được giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện N, tỉnh Quảng Nam và Công ty L4 vào các ngày 24, 25/12/2022.

[3] *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo A M, A Đ, A H, A H2, A H3, A M2, A T2 và A T3 được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/11/2023). Nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

**Nơi nhận:**

- Bị cáo
- Người bào chữa;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Tu Mơ Rông
- VKSND tỉnh Kon Tum
- TAND tỉnh Kon Tum
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng
- Sơ tư pháp tỉnh Kon Tum
- CA huyện Tu Mơ Rông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Bình Thanh**